

Bản án số: 162/2021/HS-ST
Ngày: 02-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 181/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2021/HSST-QĐHPT ngày 18 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thanh N, sinh năm: 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; mẹ: Lê Thị N, cha: Bùi Văn K; anh chị em ruột gồm có 03 người kể cả bị cáo; vợ: Lê Hoài P, bị cáo chưa có con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 21/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1999 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Khu vực Q, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Số 72A, đường 640, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Dương Văn B, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số 72A, đường 640, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Công ty T;

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà D, số 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Tấn P, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 08/3/2021, Lê Thanh N đi xe Honda ôm đến nhà vợ chồng bà Huỳnh Thị D tại số 72A, đường số 640, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nơi N thấy ông Dương Văn B và con của ông B đang ngủ trong phòng ngủ, tại phòng khách có dựng một xe gắn máy biển số 65F1-644.00 chìa khóa vẫn đang cắm trên xe, lúc này N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài nên N đẩy xe ra ngoài rồi nổ máy tẩu thoát. Lúc này, ông Trần Tấn P là hàng xóm của ông B phát hiện đuổi theo N nhưng không kịp. N điều khiển xe gắn máy trên đến gặp Đỗ Tuấn A tại phòng trọ thuộc đường N2, ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cầm chiếc xe trên với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), N nhận 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền mặt và ma túy với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Ngày 09/3/2021 bà D trình báo sự việc đến Công an xã P, huyện C lập hồ sơ xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi kết luận: Chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vision, biển số 65F1-644.00, số máy: JF86E0389106, số khung: 5828KY116041 có trị giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Về phần dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Dyêu cầu bồi thường 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), N chưa bồi thường.

Vật chứng thu giữ: Không.

Tại bản cáo trạng số: 184/CT-VKS.CC ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Lê Thanh N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thanh N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thanh N mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về vật chứng: Không có.

- Về dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Thanh N về việc bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Thị D số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Đối với Đỗ Tuấn A không thừa nhận hành vi đã cầm xe gắn máy biển số 65F1-644.00 và cũng không bán ma túy cho Lê Thanh N nên không có cơ sở xử lý Đỗ Tuấn A.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh N thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng, không oan sai gì cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo N: Bị cáo đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Thanh N tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/3/2021, tại số 72A, đường số 640, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Thanh N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vision, biển số 65F1-644.00, số máy: JF86E0389106, số khung: 5828KY116041 có trị giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của bà Huỳnh Thị D và ông Dương Văn B.

Bằng hành vi trên, bị cáo N đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của bị cáo N gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đưa vào Trường giáo dưỡng 24 tháng theo Quyết định số 6574/QĐUB ngày 24/12/2007; ngày 27/9/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 21/6/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù bị cáo được xóa án tích nhưng đây là tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét lượng mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Đối với Đỗ Tuấn A, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi cho rằng trong quá trình điều tra Đỗ Tuấn A không thừa nhận hành vi đã cầm xe gắn máy biển số 65F1-644.00 và cũng không bán ma túy cho bị cáo N nên không có cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại bà Huỳnh Thị D và ông Dương Văn B yêu cầu bị cáo N bồi thường tài sản là giá trị chiếc xe do không thu hồi được với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Củ Chi kết luận chiếc xe Honda Vision màu cam đen biển số 65F1-644.00 trị giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Lẽ ra cần buộc bị cáo N phải bồi thường cho bà D và ông B 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nhưng tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại đã yêu cầu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), xét đây là sự thỏa thuận không trái pháp luật của bị cáo và bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 18/11/2020 bà D có vay tiền của Công ty T theo Hợp đồng tín dụng số 2W019189099, phương thức thanh toán hàng tháng, thời hạn trả nợ 24 tháng, ngày thanh toán cuối cùng là ngày 17/11/2022, bà D có thể chấp cho Công ty T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 65F1-64400. Nay chiếc xe trên không thu hồi được nên trường hợp bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty T được quyền khởi kiện bà D bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng:

Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí:

Xét cần buộc bị cáo N phải nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2021.

- Căn cứ Điều 584, Điều 589, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Thanh N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị D và ông Dương Văn B số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bà Huỳnh Thị D vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty T được quyền khởi kiện bà Huỳnh Thị D bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thanh N phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thanh N phải nộp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Củ Chi;
- Phòng PC53 Công an TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương